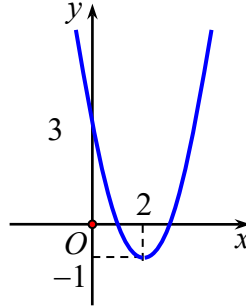


(Đề thi gồm có 05 trang)

Mã đề thi 269

Câu 1: Đồ thị dưới đây là của hàm số nào ?



- A. $y = -x^2 + 4x + 3$. B. $y = x^2 + 4x + 3$. C. $y = x^2 - 4x + 3$. D. $y = 2x^2 - 8x + 7$.

Câu 2: Trong các mệnh đề sau về hàm số $y = 2 \sin x + 1$, mệnh đề nào đúng?

- A. Hàm số nghịch biến trên khoảng $\left(\frac{\pi}{2}; \frac{3\pi}{2}\right)$. B. Hàm số nghịch biến trên khoảng $\left(0; \frac{\pi}{2}\right)$.
C. Hàm số nghịch biến trên khoảng $\left(-\frac{\pi}{2}; 0\right)$. D. Hàm số đồng biến trên khoảng $\left(\frac{\pi}{2}; \pi\right)$.

Câu 3: Giá trị của biểu thức $\frac{\sin \frac{\pi}{15} \cos \frac{\pi}{10} + \sin \frac{\pi}{10} \cos \frac{\pi}{15}}{\cos \frac{\pi}{5} \cos \frac{2\pi}{15} - \sin \frac{2\pi}{15} \sin \frac{\pi}{5}}$ bằng

- A. $\sqrt{3}$. B. $\frac{1}{2}$. C. -1 . D. 1 .

Câu 4: Trong các phương trình dưới đây, phương trình nào vô nghiệm?

- A. $2 \tan x = 5$. B. $2 \cos 2x = 5$. C. $2 \cot x = 3$. D. $5 \sin 2x = 2$.

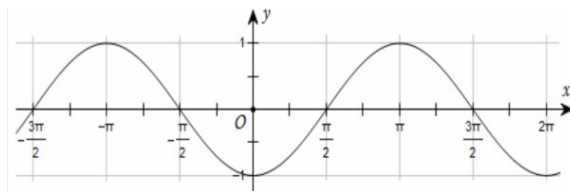
Câu 5: Cho hàm số $f(x) = \frac{\tan^{2018} x + 2018}{\cos^{2017} x}$. Xét các mệnh đề sau:

- 1) Hàm số đã cho xác định trên $D = \mathbb{R}$.
- 2) Đồ thị hàm số đã cho có Oy là trục đối xứng.
- 3) Hàm số đã cho là hàm số chẵn.
- 4) Đồ thị hàm số đã cho có tâm đối xứng là gốc tọa độ O .
- 5) Hàm số đã cho là hàm số lẻ.
- 6) Hàm số đã cho là hàm số không chẵn, không lẻ.

Số mệnh đề đúng trong 6 mệnh đề trên là

- A. 1. B. 4. C. 3. D. 2.

Câu 6: Đường cong trong hình dưới đây là đồ thị của một hàm số trong bốn hàm số được liệt kê ở bốn phương án A, B, C, D. Hỏi hàm số đó là hàm số nào?



- A. $y = \cos x$. B. $y = |\cos x|$. C. $y = -\cos x$. D. $y = \cos|x|$.

Câu 7: Tổng các nghiệm của phương trình $\tan x - \sqrt{3} \cot x + 1 - \sqrt{3} = 0$ trên $[0; \pi]$ là

- A. $\frac{13\pi}{12}$. B. $\frac{\pi}{12}$. C. $\frac{7\pi}{12}$. D. $\frac{7\pi}{6}$.

Câu 8: Tập xác định của hàm số $y = 2018 \tan^{2019} 2x$ là

- A. $D = \mathbb{R}$. B. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{4} + k\frac{\pi}{2}, k \in \mathbb{Z} \right\}$.
C. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{2} + k\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$. D. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ k\frac{\pi}{2}, k \in \mathbb{Z} \right\}$.

Câu 9: Gieo một con súc sắc hai lần. Xác suất để ít nhất một lần xuất hiện mặt ba chấm là

- A. $\frac{2}{9}$. B. $\frac{1}{3}$. C. $\frac{11}{36}$. D. $\frac{1}{6}$.

Câu 10: Cho hệ bất phương trình $\begin{cases} x^2 + 2x - 15 < 0 \\ (m+1)x \geq 3 \end{cases}$. Để hệ có nghiệm thì điều kiện của m là

- A. $m < -\frac{8}{5}$ hoặc $m > 0$. B. $m < 0$. C. $m > -\frac{8}{5}$. D. $-\frac{8}{5} < m < 2$.

Câu 11: Cho nhị thức $(2x+1)^5$ hệ số của số hạng chứa x^3 là

- A. 90. B. 50. C. 60. D. 80.

Câu 12: Trong các phép biến hình sau, phép biến hình nào biến một đường thẳng thành đường thẳng vuông góc với nó?

- A. Phép quay tâm O góc quay -90° . B. Phép tịnh tiến theo vector $\vec{v}$.
C. Phép vị tự tâm O tỉ số -1 . D. Phép đối xứng trục Ox .

Câu 13: Tổng $C_{2018}^0 + C_{2018}^2 + C_{2018}^4 + \dots + C_{2018}^{2018}$ bằng

- A. 2^{2018} . B. $2^{2018} - 1$. C. $2^{2017} - 1$. D. 2^{2017} .

Câu 14: Trên giá sách có 5 quyển sách Tiếng Nga khác nhau, 6 quyển sách Tiếng Anh khác nhau và 8 quyển sách Tiếng Việt khác nhau. Số cách chọn ra ba quyển sách khác tiếng từ giá sách là

- A. 19. B. 240. C. 118. D. 20.

Câu 15: Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = \cos x$ trên đoạn $\left[-\frac{2\pi}{3}; \frac{\pi}{6}\right]$ lần lượt là

- A. $0; -\frac{1}{2}$. B. $1; -\frac{1}{2}$. C. $1; \frac{1}{2}$. D. $\frac{\sqrt{3}}{2}; -\frac{1}{2}$.

Câu 16: Trong mặt phẳng Oxy , cho đường thẳng $d: 3x - 2y - 5 = 0, d': 3x - 2y + 21 = 0$. Phép tịnh tiến theo vector $\vec{v}$ có giá vuông góc với d , biến đường thẳng d thành đường thẳng d' . Tọa độ của $\vec{v}$ là

- A. $(-6; 4)$. B. $(3; -2)$. C. $(-3; 2)$. D. $(6; -4)$.

Câu 17: Tổng bình phương các nghiệm của phương trình $(x+1)\sqrt{x^2 - 2x + 3} = x^2 + 1$ bằng

- A. 6. B. 4. C. $2\sqrt{2}$. D. 2.

Câu 18: Phương trình $2\cos \frac{x}{2} + \sqrt{3} = 0$ có nghiệm là

A. $x = \pm \frac{5\pi}{3} + k4\pi, k \in \mathbb{Z}$.

B. $x = \pm \frac{5\pi}{3} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$.

C. $x = \pm \frac{5\pi}{6} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$.

D. $x = \pm \frac{5\pi}{6} + k4\pi, k \in \mathbb{Z}$.

Câu 19: Chu kì tuần hoàn T của hàm số $y = \sin\left(\frac{\pi}{2} - 5x\right)$ là

A. $T = \frac{\pi}{10}$.

B. $T = \frac{2\pi}{5}$.

C. $T = \frac{\pi}{2}$.

D. $T = \frac{5\pi}{2}$.

Câu 20: Trong mặt phẳng Oxy , cho điểm $M(-4;2)$. Tọa độ ảnh của M qua phép tịnh tiến theo vector $\vec{a}(-2;3)$ là

A. $(-6;5)$.

B. $(-2;-5)$.

C. $(0;4)$.

D. $(2;1)$.

Câu 21: Cho $\cot \alpha = 3$. Khi đó $\frac{3 \sin \alpha - 2 \cos \alpha}{12 \sin^3 \alpha + 4 \cos^3 \alpha}$ có giá trị bằng

A. $-\frac{1}{4}$.

B. $\frac{3}{4}$.

C. $-\frac{5}{4}$.

D. $\frac{1}{4}$.

Câu 22: Phương trình $\sqrt{3} \sin 2x - \cos 2x = 2$ có tập nghiệm là

A. $S = \left\{ \frac{\pi}{3} + k\pi \mid k \in \mathbb{Z} \right\}$.

B. $S = \left\{ \frac{2\pi}{3} + k2\pi \mid k \in \mathbb{Z} \right\}$.

C. $S = \left\{ \frac{\pi}{3} + \frac{k\pi}{2} \mid k \in \mathbb{Z} \right\}$.

D. $S = \left\{ \frac{5\pi}{12} + k\pi \mid k \in \mathbb{Z} \right\}$.

Câu 23: Tìm giá trị của tham số m để phương trình $x^2 - (m-2)x + m^2 - 4m = 0$ có hai nghiệm trái dấu.

A. $0 < m < 4$.

B. $m < 2$.

C. $m > 2$.

D. $m < 0$ hoặc $m > 4$.

Câu 24: Hình gồm hai đường thẳng vuông góc với nhau có bao nhiêu trục đối xứng

A. 4.

B. 3.

C. Vô số.

D. 2.

Câu 25: Số tự nhiên n thỏa mãn đẳng thức $C_n^2 = 6$ là

A. $n = 2$.

B. $n = 5$.

C. $n = 4$.

D. $n = 3$.

Câu 26: Gieo ngẫu nhiên một đồng tiền cân đối và đồng chất hai lần. Không gian mẫu là

A. $\{N;S\}$.

B. $\{NN;SS;SN;NS\}$.

C. $\{N;S;NS\}$.

D. $\{NN;SS\}$.

Câu 27: Trong mặt phẳng Oxy , cho đường tròn $(C): (x-1)^2 + (y+3)^2 = 16$. Ảnh của đường tròn (C) qua phép đối xứng tâm $I(-1;-1)$ có phương trình là

A. $(x-3)^2 + (y+1)^2 = 16$.

B. $(x+3)^2 + (y-1)^2 = 16$.

C. $(x+1)^2 + (y+5)^2 = 16$.

D. $x^2 + (y+2)^2 = 16$.

Câu 28: Một hộp có 5 quả cầu xanh và 9 quả cầu đỏ, số cách lấy ra 3 quả cầu cùng màu từ hộp đó là

A. $C_9^3 \cdot C_5^3$.

B. C_{14}^3 .

C. $C_5^3 + C_9^3$.

D. $A_5^3 + A_9^3$.

Câu 29: Cho khai triển nhị thức Niuton $(x+2)^n = a_n x^n + a_{n-1} x^{n-1} + \dots + a_1 x + a_0$. Biết rằng số hạng thứ 11 của khai triển có hệ số lớn nhất. Khi đó $C_n^1 + 2C_n^2 + C_n^3$ có giá trị là

A. 816.

B. 560.

C. 455.

D. 680.

Câu 30: Cho (H) là đa giác đều 30 cạnh. Số tam giác không có cạnh nào là cạnh của (H) bằng

A. 3280.

B. 4030.

C. 3250.

D. 4060.

Câu 31: Trong mặt phẳng với hệ tọa độ Oxy , cho đường thẳng $d: 2x + y + 1 = 0$ và điểm $M(2;3)$. Phương trình đường thẳng Δ đi qua điểm M và song song với đường thẳng d là

- A. $2x - y - 1 = 0$. B. $2x + y - 8 = 0$. C. $x - 2y + 4 = 0$. D. $2x + y - 7 = 0$.

Câu 32: Gọi m và M lần lượt là giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất của hàm số $y = \cos 2x + 2 \cos x - 1$ trên tập $\mathbb{R}$. Khi đó giá trị biểu thức $2m + M$ bằng

- A. $-\frac{5}{2}$. B. -3 . C. $-\frac{1}{2}$. D. 0 .

Câu 33: Cho đường thẳng đi qua hai điểm $A(3,0)$, $B(0;4)$. Tìm tọa độ điểm M nằm trên Oy sao cho diện tích tam giác MAB bằng 6

- A. $(0;8)$. B. $(0;1)$. C. $(0;0)$ và $(0;8)$. D. $(1;0)$.

Câu 34: Trong mặt phẳng Oxy , cho đường thẳng $d: 3x - 2y = 0$. Ảnh của đường thẳng d qua phép quay tâm O góc quay 90° có phương trình là

- A. $2x + 3y = 0$. B. $2x - 3y = 0$. C. $3x + 2y = 0$. D. $2x + 3y + 1 = 0$.

Câu 35: Trong mặt phẳng Oxy , cho đường thẳng d' có phương trình $3x - 2y + 5 = 0$. Phép quay tâm O góc quay 90° biến đường thẳng d thành đường thẳng d' . Khi đó phương trình đường thẳng d là

- A. $3x + 2y + 5 = 0$. B. $2x + 3y - 5 = 0$. C. $3x - 2y + 5 = 0$. D. $2x - 3y - 5 = 0$.

Câu 36: Từ các số tự nhiên $1, 2, 3, 4, 5, 6$ có thể lập được bao nhiêu số tự nhiên bé hơn 100?

- A. 62. B. 54. C. 42. D. 36.

Câu 37: Trên giá sách có 5 quyển sách Tiếng Nga khác nhau, 6 quyển sách Tiếng Anh khác nhau và 8 quyển sách Tiếng Việt khác nhau. Số cách tặng các quyển sách này cho 19 bạn sao cho mỗi bạn được một quyển là

- A. A_{19}^{19} . B. 19. C. C_{19}^{19} . D. $18!$.

Câu 38: Trong mặt phẳng Oxy , cho đường thẳng $d: 3x - 2y - 5 = 0$. Ảnh của đường thẳng d qua phép vị tự tâm $I(1;2)$ tỉ số 2 có phương trình là

- A. $3x - 2y + 10 = 0$. B. $3x - 2y - 10 = 0$. C. $3x - 2y + 7 = 0$. D. $3x - 2y - 11 = 0$.

Câu 39: Số nghiệm của phương trình $6 \sin^2 2x - 3 \sin 2x \cos 2x + \cos^2 2x = 2$ trong khoảng $(0; \pi)$ là

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 40: Trong mặt phẳng Oxy , cho đường tròn $(C): (x-1)^2 + y^2 = 9$. Ảnh của đường tròn (C) qua phép đồng dạng có được bằng cách thực hiện liên tiếp phép đối xứng trục Oy và phép vị tự tâm O tỉ số -2 có phương trình là

- A. $(x+2)^2 + y^2 = 36$. B. $x^2 + (y+2)^2 = 36$. C. $(x-2)^2 + y^2 = 9$. D. $(x-2)^2 + y^2 = 36$.

Câu 41: Họ nghiệm của phương trình $\frac{\sin 2x + \sin x + \cos x + \cos 2x + 1}{\sqrt{2} \cos x - 1} = 0$ có số điểm biểu diễn trên đường tròn lượng giác là

- A. 2. B. 1. C. 3. D. 4.

Câu 42: Cho phương trình $(m-3) \sin\left(\frac{3\pi}{10} - \frac{x}{2}\right) + \sin\left(\frac{\pi}{10} + \frac{3x}{2}\right) - 2 \sin^2\left(\frac{3\pi}{10} - \frac{x}{2}\right) = 0$. Số các giá trị nguyên

của tham số m để phương trình có đúng 2 nghiệm phân biệt trên $\left[-\frac{2\pi}{5}; \frac{3\pi}{5}\right]$ là

- A. 2 B. 3. C. 6. D. 4.

Câu 43: Người ta sử dụng 8 quyển sách Toán, 7 quyển sách Lí, 9 quyển sách Hóa (các quyển cùng môn thì giống nhau) để làm giải thưởng cho 12 bạn học sinh, mỗi bạn hai quyển khác nhau. Trong số 12 bạn học sinh đó có ba bạn An, Bình, Cường. Có bao nhiêu cách trao thưởng sao cho An, Bình, Cường có phần thưởng giống nhau?

- A. 1260. B. 1890. C. 1764. D. 1386.

Câu 44: Cho đường tròn (C) có phương trình $x^2 + y^2 - 2x + 6y + 1 = 0$ và điểm $I(-2;1)$. Phép vị tự tâm I tỉ số $k = -2$ biến đường tròn (C) thành đường tròn (C') . Khi đó phương trình đường tròn (C') là

- A. $x^2 + y^2 - 16x + 18y + 109 = 0$. B. $x^2 + y^2 + 8x - 9y - 55 = 0$.
C. $x^2 + y^2 - 8x + 9y + 55 = 0$. D. $x^2 + y^2 + 16x - 18y + 109 = 0$.

Câu 45: Cho tam giác nhọn ABC . Các điểm M, N, P lần lượt nằm trên các cạnh BC, CA, AB . Chu vi tam giác MNP nhỏ nhất khi các điểm M, N, P

- A. là chân đường phân giác trong của tam giác ABC .
B. là chân đường trung tuyến trong của tam giác ABC .
C. là tiếp điểm của đường tròn nội tiếp tam giác ABC với các cạnh của nó.
D. là chân đường cao của tam giác ABC .

Câu 46: Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , cho tam giác ABC có trực tâm $H(1;1)$ và nội tiếp trong đường tròn tâm $I(3;2)$, phương trình đường thẳng qua B và C là $y = -1$, điểm B có hoành độ dương. Khi đó $x_B + x_C$ bằng

- A. 7. B. $4\sqrt{5}$. C. 0. D. 6.

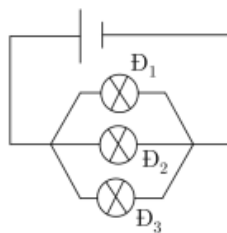
Câu 47: Công ty bất động sản X có 50 căn hộ cho thuê. Biết rằng nếu cho thuê mỗi căn hộ với giá 2000.000 đồng/tháng thì mọi căn hộ đều có người thuê, còn nếu tăng giá cho thuê mỗi căn hộ thêm 100.000 đồng/tháng thì sẽ có 1 căn hộ bị bỏ trống. Để có thu nhập cao nhất thì công ty phải cho thuê mỗi căn hộ với giá là

- A. 3.200.000 đồng. B. 3.500.000 đồng. C. 3.250.000 đồng. D. 3.600.000 đồng.

Câu 48: Cho phương trình $2\sin^2\left(\frac{17\pi}{2} - x\right) + m\sin(2x + 2018\pi) = 2m + 2$. Số các giá trị nguyên của tham số m để phương trình có nghiệm là

- A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 49: Cho đoạn mạch điện như hình vẽ.



Xác suất để các bóng đèn $\text{Đ}_1, \text{Đ}_2, \text{Đ}_3$ chạy tốt lần lượt là 0,9; 0,8; 0,7. Xác suất để đoạn mạch điện đó có dòng điện chạy qua là

- A. 0,987. B. 0,504. C. 0,994. D. 0,998.

Câu 50: Lấy điểm M thuộc nửa đường tròn đường kính $AB = 4\text{cm}$. Dựng về phía ngoài của tam giác AMB một hình vuông $AMNP$. Khi điểm M di động trên nửa đường tròn đường kính AB thì điểm N di động trên cung có độ dài l . Giá trị của l bằng

- A. $3\sqrt{2}\pi$. B. $4\sqrt{2}\pi$. C. $2\sqrt{2}\pi$. D. 2π .

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:Số báo danh:.....

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THÁNG LẦN 1 - KHỐI 11

137	1	C	269	1	C	376	1	D	481	1	C	594	1	B	605	1	A	713	1	C	840	1	D
137	2	D	269	2	A	376	2	B	481	2	A	594	2	B	605	2	C	713	2	A	840	2	A
137	3	D	269	3	D	376	3	C	481	3	C	594	3	A	605	3	B	713	3	A	840	3	A
137	4	D	269	4	B	376	4	B	481	4	B	594	4	D	605	4	D	713	4	B	840	4	B
137	5	B	269	5	D	376	5	D	481	5	C	594	5	B	605	5	C	713	5	C	840	5	B
137	6	A	269	6	C	376	6	C	481	6	B	594	6	C	605	6	B	713	6	B	840	6	C
137	7	D	269	7	A	376	7	D	481	7	D	594	7	B	605	7	A	713	7	D	840	7	B
137	8	B	269	8	B	376	8	B	481	8	B	594	8	C	605	8	A	713	8	A	840	8	B
137	9	C	269	9	C	376	9	C	481	9	C	594	9	D	605	9	A	713	9	A	840	9	A
137	10	B	269	10	A	376	10	A	481	10	C	594	10	B	605	10	A	713	10	A	840	10	C
137	11	A	269	11	D	376	11	D	481	11	D	594	11	C	605	11	A	713	11	B	840	11	C
137	12	B	269	12	A	376	12	C	481	12	A	594	12	A	605	12	B	713	12	C	840	12	B
137	13	D	269	13	D	376	13	B	481	13	A	594	13	D	605	13	A	713	13	B	840	13	B
137	14	B	269	14	B	376	14	B	481	14	D	594	14	A	605	14	C	713	14	D	840	14	A
137	15	C	269	15	B	376	15	A	481	15	A	594	15	C	605	15	C	713	15	B	840	15	C
137	16	A	269	16	A	376	16	A	481	16	B	594	16	C	605	16	D	713	16	C	840	16	A
137	17	C	269	17	A	376	17	A	481	17	C	594	17	C	605	17	C	713	17	D	840	17	C
137	18	A	269	18	A	376	18	C	481	18	B	594	18	C	605	18	D	713	18	C	840	18	C
137	19	A	269	19	B	376	19	D	481	19	D	594	19	A	605	19	C	713	19	A	840	19	D
137	20	A	269	20	A	376	20	A	481	20	D	594	20	D	605	20	B	713	20	B	840	20	D
137	21	A	269	21	A	376	21	A	481	21	A	594	21	B	605	21	D	713	21	D	840	21	D
137	22	A	269	22	A	376	22	C	481	22	A	594	22	A	605	22	D	713	22	D	840	22	D
137	23	B	269	23	A	376	23	D	481	23	D	594	23	D	605	23	D	713	23	D	840	23	B
137	24	C	269	24	A	376	24	C	481	24	A	594	24	D	605	24	A	713	24	A	840	24	A
137	25	C	269	25	C	376	25	A	481	25	D	594	25	C	605	25	D	713	25	D	840	25	C
137	26	A	269	26	B	376	26	C	481	26	D	594	26	D	605	26	C	713	26	A	840	26	B
137	27	A	269	27	B	376	27	B	481	27	A	594	27	B	605	27	B	713	27	D	840	27	A
137	28	A	269	28	C	376	28	B	481	28	B	594	28	A	605	28	A	713	28	C	840	28	B
137	29	A	269	29	D	376	29	A	481	29	C	594	29	D	605	29	C	713	29	A	840	29	C
137	30	B	269	30	C	376	30	C	481	30	C	594	30	B	605	30	A	713	30	C	840	30	D
137	31	C	269	31	D	376	31	C	481	31	C	594	31	D	605	31	D	713	31	B	840	31	D
137	32	D	269	32	B	376	32	D	481	32	A	594	32	C	605	32	D	713	32	D	840	32	B
137	33	D	269	33	C	376	33	A	481	33	A	594	33	A	605	33	B	713	33	B	840	33	D
137	34	B	269	34	A	376	34	D	481	34	B	594	34	A	605	34	D	713	34	A	840	34	B
137	35	B	269	35	B	376	35	D	481	35	A	594	35	B	605	35	B	713	35	C	840	35	A
137	36	D	269	36	C	376	36	B	481	36	D	594	36	B	605	36	D	713	36	A	840	36	A
137	37	B	269	37	A	376	37	D	481	37	C	594	37	D	605	37	B	713	37	B	840	37	D
137	38	D	269	38	D	376	38	C	481	38	A	594	38	D	605	38	B	713	38	B	840	38	C
137	39	D	269	39	B	376	39	A	481	39	C	594	39	A	605	39	D	713	39	C	840	39	A
137	40	C	269	40	D	376	40	D	481	40	A	594	40	B	605	40	B	713	40	D	840	40	A
137	41	A	269	41	C	376	41	A	481	41	D	594	41	B	605	41	B	713	41	B	840	41	C
137	42	C	269	42	C	376	42	C	481	42	B	594	42	B	605	42	A	713	42	C	840	42	A
137	43	C	269	43	B	376	43	C	481	43	A	594	43	B	605	43	C	713	43	C	840	43	A
137	44	A	269	44	D	376	44	C	481	44	B	594	44	A	605	44	C	713	44	D	840	44	B
137	45	C	269	45	D	376	45	A	481	45	B	594	45	A	605	45	B	713	45	D	840	45	B
137	46	D	269	46	D	376	46	B	481	46	B	594	46	C	605	46	B	713	46	B	840	46	C
137	47	D	269	47	B	376	47	D	481	47	C	594	47	C	605	47	D	713	47	A	840	47	D
137	48	B	269	48	C	376	48	D	481	48	B	594	48	D	605	48	A	713	48	C	840	48	D
137	49	C	269	49	C	376	49	B	481	49	B	594	49	C	605	49	C	713	49	D	840	49	D
137	50	D	269	50	C	376	50	B	481	50	D	594	50	A	605	50	C	713	50	C	840	50	C